TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 212/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31 – 8 – 2023
V/v không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Vũ Thị Mỹ Linh.
2. Bà Trương Ánh Hoa.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Cúc – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 505/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023 về việc không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 264/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim H, sinh năm 1972; Địa chỉ: số 138, đường Nguyễn T, khóm 3, phường A, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Quốc T, sinh năm 1976; Địa chỉ: số 126, đường Phan Bội C, khóm 4, phường B, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân, bà Lê Thị Kim H và ông Trần Quốc T tự nguyện chung sống với nhau năm 1995, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu giữa vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2012, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng ý kiến trong việc làm ăn, phát triển kinh tế gia đình dẫn đến việc vợ chồng thường xảy ra cự cải với nhau, đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc và bà H cùng ông T đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T, ông T cũng đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung, bà Lê Thị Kim H và ông Trần Quốc T chung sống với nhau có 02 người con chung là Trần Thanh Nhi, sinh ngày 19/5/1996 và Trần Gia Phú, sinh ngày 09/9/2004. Khi ly hôn, do con đã thành niên, tự nuôi sống được nên ông, bà không đặt ra yêu cầu gì về con.

Về tài sản chung và nợ chung, bà Lê Thị Kim H và ông Trần Quốc T khai không có. Đồng thời, do bân công việc nên ông T yêu cầu Tòa án cho ông vắng mặt trong các lần Tòa án xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, ông Trần Quốc T đã được triệu tập tham gia phiên tòa xét xử hợp lệ và có ý kiến xin vắng mặt trong các lần Tòa án xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về hôn nhân, bà Lê Thị Kim H và ông Trần Quốc T chung sống với nhau từ năm 1995 đến nay tuy đủ điều kiện kết hôn nhưng ông, bà không đăng ký kết hôn theo luật định nên căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì việc kết hôn trên không được đăng ký theo quy định là không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Mặc dù, bà H và ông T cùng thống nhất ly hôn nhưng do hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức, nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung là Trần Thanh Nhi, sinh ngày 19/5/1996 và Trần Gia Phú, sinh ngày 09/9/2004. Hiện các con đã thanh niên, tự nuôi sống bản thân được nên khi ly hôn, bà Lê Thị Kim H và ông Trần Quốc T không đặt ra yêu cầu gì về con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, bà Lê Thị Kim H và ông Trần Quốc T khai không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, bà Lê Thị Kim H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 144, 147, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân, không công nhận bà Lê Thị Kim H và ông Trần Quốc T là vợ chồng.

- Về con chung là Trần Thanh Nhi, sinh ngày 19/5/1996 và Trần Gia Phú, sinh ngày 09/9/2004. Hiện các con đã thanh niên, tự nuôi sống bản thân được nên khi ly hôn, bà Lê Thị Kim H cùng ông Trần Quốc T không yêu cầu gì về con, nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung, bà Lê Thị Kim H và ông Trần Quốc T khai không có nên không đặt ra xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, bà Lê Thị Kim H phải chịu số tiền 300.000 đồng. Ngày 04/8/2023, bà H đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0003842 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Bà H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lâm Hoài Ân